

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Viện Kiểm Sát Nhân Dân tỉnh Hà Tĩnh
Chương: 004

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Năm 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKS ngày /7/2025 của VKSND tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
					Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Lộc Hà	Viện Kiểm Sát Nhân Dân Thành phố Hà Tĩnh	Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Vũ Quang
1	2	3	4	5 = 4-3	6	7	8
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
I	Số thu phí, lệ phí						
1	Lệ phí						
2	Phí						
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại						
1	Chi sự nghiệp						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước						
1	Lệ phí						
2	Phí						
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	51.984.194.577	51.984.194.577		1.842.300.000	3.105.300.000	1.882.300.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	51.984.194.577	51.984.194.577		1.842.300.000	3.105.300.000	1.882.300.000
1	Chi quản lý hành chính	51.712.894.577	51.712.894.577		1.842.300.000	3.105.300.000	1.882.300.000

Đơn vị: Viện Kiểm Sát Nhân Dân tỉnh Hà Tĩnh
Chương: 004

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
					Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Lộc Hà	Viện Kiểm Sát Nhân Dân Thành phố Hà Tĩnh	Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Vũ Quang
1	2	3	4	5 = 4-3	6	7	8
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	48.423.290.577	48.423.290.577		1.806.800.000	2.978.800.000	1.815.000.000
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.289.604.000	3.289.604.000		35.500.000	126.500.000	67.300.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở						
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	271.300.000	271.300.000				
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	271.300.000	271.300.000				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						

Đơn vị: Viện Kiểm Sát Nhân Dân tỉnh Hà Tĩnh
Chương: 004

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
		Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Can Lộc	Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Hương Khê	Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Kỳ Anh	Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Cẩm Xuyên	VP Viện Kiểm Sát Nhân Dân tỉnh Hà Tĩnh	Viện Kiểm Sát Nhân Dân Thị xã Hồng Lĩnh
1	2	9	10	11	12	13	14
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
I	Số thu phí, lệ phí						
1	Lệ phí						
2	Phí						
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại						
1	Chi sự nghiệp						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước						
1	Lệ phí						
2	Phí						
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.697.733.577	2.510.700.000	2.449.100.000	2.471.600.000	19.801.861.000	2.010.500.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.697.733.577	2.510.700.000	2.449.100.000	2.471.600.000	19.801.861.000	2.010.500.000
1	Chi quản lý hành chính	2.697.733.577	2.510.700.000	2.449.100.000	2.471.600.000	19.530.561.000	2.010.500.000
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.569.253.577	2.410.100.000	2.356.100.000	2.371.000.000	17.486.737.000	1.932.800.000
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	128.480.000	100.600.000	93.000.000	100.600.000	2.043.824.000	77.700.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia						

Đơn vị: Viện Kiểm Sát Nhân Dân tỉnh Hà Tĩnh
Chương: 004

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
		Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Can Lộc	Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Hương Khê	Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Kỳ Anh	Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Cẩm Xuyên	VP Viện Kiểm Sát Nhân Dân tỉnh Hà Tĩnh	Viện Kiểm Sát Nhân Dân Thị xã Hồng Lĩnh
1	2	9	10	11	12	13	14
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở						
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					271.300.000	
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					271.300.000	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						

Đơn vị: Viện Kiểm Sát Nhân Dân tỉnh Hà Tĩnh
Chương: 004

STT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)			Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)		
		Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Nghi Xuân	Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Đức Thọ	Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Thạch Hà	Viện Kiểm Sát Nhân Dân Thị xã Kỳ Anh	Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Hương Sơn	
1	2	15	16	17	18	19	
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
I	Số thu phí, lệ phí						
1	Lệ phí						
2	Phí						
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại						
1	Chi sự nghiệp						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước						
1	Lệ phí						
2	Phí						
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	3.138.900.000	2.505.200.000	2.503.400.000	2.512.200.000	2.553.100.000	
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.138.900.000	2.505.200.000	2.503.400.000	2.512.200.000	2.553.100.000	
1	Chi quản lý hành chính	3.138.900.000	2.505.200.000	2.503.400.000	2.512.200.000	2.553.100.000	
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.027.300.000	2.409.700.000	2.395.800.000	2.412.200.000	2.451.700.000	
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	111.600.000	95.500.000	107.600.000	100.000.000	101.400.000	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia						

--	--	--